

MỘT SỐ KHẢ NĂNG CHUYỂN DỊCH CÁC TỪ *PHIẾM ĐỊNH* TRONG CÂU KHẲNG ĐỊNH TUYỆT ĐỐI TIẾNG VIỆT SANG TIẾNG ANH

ĐINH VĂN SƠN*

TÓM TẮT

Bài viết này trình bày một số khả năng chuyển dịch các từ *phiếm định* trong câu khẳng định tuyệt đối tiếng Việt như: *ai cũng, đâu cũng, gì cũng, nào cũng, bao giờ cũng, ai chẳng/chả, đâu chẳng/chả, gì chẳng/chả, nào chẳng/chả* sang tiếng Anh. Các khả năng chuyển dịch này có thể là những tham khảo hữu ích cho những người học tiếng Anh cũng như những ai yêu thích dịch thuật.

Từ khóa: từ *phiếm định*, câu khẳng định tuyệt đối, cụm danh từ, phương thức, đối chiếu.

ABSTRACT

Some possibilities of translating the indefinite words in Vietnamese absolutely affirmative sentences into English

This article presents some possibilities of translating indefinite words in Vietnamese absolutely affirmative sentences such as *ai cũng, đâu cũng, gì cũng, nào cũng, bao giờ cũng, ai chẳng/chả, đâu chẳng/chả, gì chẳng/chả, nào chẳng/chả* into English. These possibilities of translation may be useful references for English learners as well as those who are keen on translation.

Key words: indefinite word, absolutely affirmative sentence, noun phrase, mode, contrastive.

1. Đặt vấn đề

Việc nghiên cứu từ *phiếm định* trong tiếng Việt nói chung không phải là một vấn đề hoàn toàn mới. Trong các công trình nghiên cứu của mình, các tác giả như Trương Văn Chỉnh và Nguyễn Hiến Lê [1], Nguyễn Đức Dân [2],... đã ít nhiều có nhắc đến từ *phiếm định*. Trong các công trình này, từ *phiếm định* không được nghiên cứu thành một lớp từ riêng mà chỉ được đề cập đến như là một tiểu loại của một số loại từ khác. Hầu hết các tác giả đều nêu bật được ý nghĩa và cách

dùng của các từ *phiếm định*. Đặc biệt, Nguyễn Đức Dân [2] còn nêu rõ chức năng ngữ dụng của các từ *phiếm định*. Theo tác giả này, từ *phiếm định* trong tiếng Việt là từ có chức năng tạo câu. Chúng là những yếu tố nòng cốt để hình thành nên các loại câu như câu khẳng định tuyệt đối, câu phủ định tuyệt đối và câu chất vấn - bác bỏ. Thế nhưng, các tác giả chưa đề cập đến việc nghiên cứu xem các từ *phiếm định* trong những kiểu câu này, nhất là câu khẳng định tuyệt đối trong thực tế đã được chuyển dịch sang tiếng Anh như thế nào. Đây là một vấn đề tương đối khó nhưng cũng hết sức thú vị.

* ThS, Trường Đại học Luật TP HCM

2. Khái lược về câu khẳng định tuyệt đối với các từ *phẩm định* trong tiếng Việt

Theo Nguyễn Đức Dân [2], câu khẳng định tuyệt đối với các từ *phẩm định* trong tiếng Việt được hình thành theo hai phương thức chính sau đây:

2.1. Phương thức dùng từ cũng kết hợp với các từ *phẩm định*

Đây là phương thức kết hợp từ *cũng* với các từ *phẩm định* như **ai**, **đâu**, **gì**, **nào**, **bao giờ** để hình thành nên câu khẳng định tuyệt đối. Theo Trương Văn Chính và Nguyễn Hiến Lê [1], từ *cũng* là từ có chức năng đối chiếu. Nếu hai đối tượng **A** và **B** có cùng thuộc tính **C** thì người ta có thể dùng thuộc tính **C** này để đối chiếu hai đối tượng **A** và **B** với nhau. Trong thực tế thì có nhiều kiểu đối chiếu khác nhau. Người ta có thể đối chiếu sự vật, hiện tượng trong câu với một sự vật, một hiện tượng khác đã được đề cập rõ hoặc không được đề cập rõ trong câu. Và đây cũng là cơ sở để hình thành nên ý nghĩa khẳng định tuyệt đối của những câu có chứa từ *cũng*. Xét các ví dụ sau:

(1) ... **ai cũng** có vẻ đáng nghi ngờ [3, tr.70].

(2) **Đâu cũng** đất nước mình [6, tr.38].

(3) *Đào Phi tám mươi chín tuổi, đứng không nói, diễn vai* **gì cũng** *ngồi trên ghế...* [6, tr.627].

(4) *Nhà* **nào cũng** *cho bộ đội ở nhờ* [6, tr.37].

(5) *Những cô gái cả tin* **bao giờ cũng** *là những người bảo trợ vĩ đại* [6, tr.395].

Trong câu (1) có sự đối chiếu với từ *phẩm định* **ai**. Từ này có thuộc tính là *có vẻ đáng nghi ngờ*. Tương tự như thế, cũng có sự đối chiếu với yếu tố phẩm định **đâu** trong câu (2). Từ **đâu** có thuộc tính *đất nước mình*. Câu (3) có sự đối chiếu với **gì**. Nó có thuộc tính *ngồi trên ghế*. Từ **nào** trong câu (4) có thuộc tính cho *bộ đội ở nhờ* và từ **bao giờ** trong câu (5) gắn liền với thuộc tính *là những người bảo trợ vĩ đại*. Khi đứng riêng một mình, câu (1) cũng đủ cho biết là có sự đối chiếu một người xác định cụ thể với một cá nhân không xác định: **ai**. Mà **ai**, **đâu**, **gì**, **nào**, **bao giờ** là những từ chỉ chung cho mọi người, mọi nơi, mọi vật, mọi thời điểm nên khi đối chiếu với các từ này tức là đối chiếu với hết thảy. Hay nói theo Nguyễn Đức Dân [2, tr.229] thì hễ “đối chiếu với một yếu tố phẩm định là đối chiếu với tất cả”. Do vậy, tất cả các yếu tố có thuộc tính đều được nhắc đến. Từ đó có thể thấy các câu có chứa từ *cũng* và các từ *phẩm định* đều là những câu khẳng định tuyệt đối.

2.2. Phương thức dùng từ *chẳng/chả* kết hợp với các từ *phẩm định*

Một phương thức hình thành câu khẳng định tuyệt đối nữa là kết hợp từ *chẳng* (biến thể của nó là *chả*) với các từ *phẩm định* như **ai**, **đâu**, **gì**, **nào**. Ví dụ:

(6) *Dân đạo tì ở Sài Gòn* **ai chẳng** *biết Tư Cò...* [8, tr.26].

Trong câu (6) này, từ *chẳng* được “dùng để nhấn mạnh, để xác định một sự trạng hay sự vật, chứ không có tính cách phủ định” [1, tr.383]. Vị trí của từ *chẳng* trong loại câu khẳng định tuyệt đối này

cũng giống như cũng, tức là nó đứng sau các từ *phiếm định*.

3. Một số khả năng chuyển dịch các từ *phiếm định* trong câu khẳng định tuyệt đối tiếng Việt sang tiếng Anh

3.1. Phương thức dùng từ cũng kết hợp với từ *phiếm định*

Qua khảo sát nguồn ngữ liệu từ các tác phẩm văn học Việt Nam, chúng tôi thống kê và tập hợp lại các khả năng chuyển dịch. Do một số phương thức có nhiều khả năng chuyển dịch khác nhau nên việc lựa chọn khả năng nào để chuyển dịch thì còn tùy thuộc vào ngữ cảnh và cả cách dùng từ của từng tác giả nữa.

3.1.1. Ai cũng

- Khả năng 1: xét ví dụ sau:

(7) Ai cũng được miễn tốt, được làng xóm thương với phải biết điều [6, tr.45]. ‘**Anyone** is fine, so long as he is a good man and well - liked by the neighbors’ [10, tr.30].

Ai cũng trong câu này được chuyển dịch sang tiếng Anh thành **anyone**. Vì vậy, khả năng chuyển dịch này là:

{ai cũng → **anyone**} (1)

- Khả năng 2: quan sát ví dụ dưới đây:

(8) Ai cũng biết đằng sau những tấm rèm lụa lộng lẫy đính đầy châu báu là một nhan sắc khuyên thành, mơn mớn thanh xuân [6, tr.162]. ‘**Everyone** knows that behind those resplendent, gem – encrusted curtains of silk there lies a beauty of bewitching proportions, tenderly entering its youthful prime’ [10, tr.153]

{ai cũng → **everyone**} (2)

- Khả năng 3: xét ví dụ sau:

(9) Ai cũng biết bố tôi là người hay sợ: sợ vi trùng, sợ sấm sét và tai nạn [7, tr.28]. ‘And **everybody** knew that my father was a highly – strung person – afraid of germs, afraid of thunder, and afraid of accidents’ [7, tr.29]

{ai cũng → **everybody**} (3)

- Khả năng 4: quan sát ví dụ dưới đây:

(10) Tôi hờn giận Thức thật sự vì buổi thi ấy ai cũng có thân nhân, trừ tôi ... [6, tr.520] ‘I was quite upset with him that day. **Every other student** except me had someone who had come to the recital’ [10, tr.468].

Ai cũng có hình thức tương đương trong tiếng Anh là *cụm danh từ (noun phrase) Every other student*. Nếu ta tách *cụm danh từ* này ra thì sẽ được từ *phiếm định every* và một *cụm danh từ* nhỏ nữa **other student**. Do vậy, khả năng này là:

{ai cũng → **every + noun phrase**} (4)

- Khả năng 5: quan sát ví dụ sau:

(11) Khi khâm liệm cho sư thầy, ai cũng ngạc nhiên thấy gương mặt sư thầy vẫn nhuần nhuyễn, tươi tắn như lúc sư thầy còn sống [6, tr.564]. ‘During the shrouding ceremony, people noticed how lively and bright her face remained’ [10, tr.517]

{ai cũng → **people**} (5)

- Khả năng 6: xét ví dụ sau:

(12) Tôi cũng không sành chính trị nhưng tôi chắc chắn là muốn giải quyết vấn đề thì ai cũng phải cứng rắn [6, tr.343]. ‘I’m not an expert on politics but

I know that in order to resolve any problem, **you** have to be hard and unyielding' [10, tr.305]

{**ai cũng** → **you**} (6)

- Khả năng 7: quan sát ví dụ sau:

(13) *Kim vẫn đến lớp cùng mọi người nhưng **ai cũng** cảm thấy thiếu...* [5, tr.160]. 'Kim still attended classes but **we all** felt something was missing' [5, tr.161]

{**ai cũng** → **we all**} (7)

- Khả năng 8:

(14) *Nó là đứa con của làn nước, mọi người đều nói thế bởi vì chuyện nó sa xuống dòng nước lụt rồi được cha nó cứu lên thì cả làng **ai cũng** biết* [6, tr.31]. 'Everybody calls her the child of the river because they all **X¹** know that she fell into the stream, and that I rescued her' [10, tr.14].

Ai cũng trong câu này không có hình thức tương trong tiếng Anh. Sở dĩ có hiện tượng này là do trong tiếng Việt có lối nói dùng quan hệ: tập hợp – thành viên. Theo lối nói này, khởi ngữ nêu lên một tập hợp (cả làng) còn chủ ngữ (**ai**) nêu lên một hoặc một số thành viên trong tập hợp ấy. Khi được chuyển dịch sang tiếng Anh thì chỉ có khởi ngữ được dịch còn chủ ngữ thì không.

{**ai cũng** → **X**} (8)

3.1.2. Đâu cũng

- Khả năng 9: xét ví dụ dưới đây:

(15)... *đến **đâu** tôi **cũng** dò hỏi về chị Nhan nhưng bất tâm hơi* [6, tr.296]. '**Anywhere** I went, I asked after sister Nhan, but no one ever heard anything about her' [10, tr.263]

{**đâu cũng** → **anywhere**} (9)

- Khả năng 10: quan sát ví dụ sau:

(16) *Ở **đâu** trong vườn **cũng** có dấu tích của cha* [5, tr.102]. 'He left traces of himself **everywhere** in the garden' [5, tr.103]

{**đâu cũng** → **everywhere**} (10)

- Khả năng 11: xét ví dụ sau đây:

(17) *Từ đó đi **đâu** ông **cũng** dắt tôi theo* [9, tr.21]. 'From that day on he took me with him **wherever** he went' [9, tr.48]

{**đâu cũng** → **wherever**} (11)

- Khả năng 12: quan sát ví dụ dưới đây:

(18) *Ra chợ, đi đến nhà thờ **đâu cũng** nghe bàn tán* [9, tr.170]. 'At the market, the church, and **elsewhere**, we could hear the gossip' [9, tr.206]

{**đâu cũng** → **elsewhere**} (12)

- Khả năng 13: quan sát ví dụ đặc biệt sau đây:

(19) *Vì ở chiến trường **đâu đâu cũng** thiếu nước, thiếu điều kiện làm vệ sinh* [6, tr.81]. 'Because of the battlefield **X** you're always short of water and supplies necessary to maintain sanitation' [10, tr.67]

{**đâu cũng** → **X**} (13)

3.1.3. Gì cũng

- Khả năng 14: xét ví dụ sau:

(20) ***Gì cũng** được, tùy anh* [6, tr.141]. '**Whatever**. It's up to you' [10, tr.122]

{**gì cũng** → **whatever**} (14)

- Khả năng 15: quan sát ví dụ dưới đây:

(21) *Anh chỉ có thể để cái đầu trần là coi được thôi, đội cái **gì** lên **cũng** hỏng*

hết [6, tr.299]. ‘Hatless your head looks okay’ she said ‘But if you put **anything** on it, it’s all spoiled’ [10, tr.267]

{**gì cũng** → **anything**} (15)

- Khả năng 16: quan sát ví dụ sau:

(22) *Thì ông sứ của tôi việc gì cũng làm được* [6, tr.495]. ‘Therefore, our ambassador could do **everything**’ [10, tr.445]

{**gì cũng** → **everything**} (16)

- Khả năng 17: xét ví dụ sau:

(23) *Bà ăn món gì cũng khen ngon.* [9, tr.30] ‘Mrs. Elizabeth would compliment him on **all** the meals’ [9, tr.56]

{**gì cũng** → **all**} (17)

- Khả năng 18: xét ví dụ sau đây:

(24)... *má nó chế biến kiểu gì nó cũng ưng* [9, tr.136]. ‘Dung appreciated **any** way her mother prepared it’ [9, tr.154]

{**gì cũng** → **any**} (18)

3.1.4. *Nào cũng*

- Khả năng 19: xét ví dụ sau đây:

(25) *Năm nào Hạc cũng phải giảng giải việc đi chợ Tết cho một người nào đấy* [4, tr.72]. ‘**Every** year, Hạc had to explain to someone the task of Tet shopping’ [4, tr.73]

{**nào cũng** → **every**} (19)

- Khả năng 20: quan sát ví dụ bên dưới:

(26)... *người vợ góa nào cũng làm rơi cái gì đó xuống đất...* [7, tr.108]

‘... **any** widow who happens to feel it is bound to drop something’ [7, tr.109]

{**nào cũng** → **any**} (20)

- Khả năng 21: xét ví dụ sau:

(27) *Loài cua thiêng lắm! Con nào cũng công một ông Phật đi chơi* [5, tr.138]. ‘Crabs are sacred animals, **each** carrying a Buddha on their shells’ [5, tr.139]

{**nào cũng** → **each**} (21)

- Khả năng 22: quan sát ví dụ dưới đây:

(28) *Thằng nào cũng thế. Có con rồi thì không chịu cưới nữa* [7, tr.182]. ‘**All** men are the same. As soon as you get pregnant, they want nothing to do with you’ [7, tr.183]

{**nào cũng** → **all**} (22)

3.1.5. *Bao giờ cũng*

- Khả năng 23: Xét ví dụ bên dưới:

(29) *Thời nay chỉ leo được lên mới thắng, dưới đất bao giờ cũng thua* [6, tr.339]. ‘These days, you have to scramble up to win, whoever is underneath **always** loses’ [10, tr.300]

{**bao giờ cũng** → **always**} (23)

Với 23 khả năng chuyển dịch dành cho phương thức này, có thể thấy phần chuyển dịch sang tiếng Anh luôn có chứa từ *phiếm định* hoặc *danh* từ mang nghĩa *phiếm định* trừ khả năng chuyển dịch số (8), (13) và đặc biệt không hề thấy có sự hiện diện của từ *also*.

3.2. *Phương thức dùng từ chẳng/chả kết hợp với từ phiếm định*

3.2.1. *Ai (mà) chẳng/chả*

- Khả năng 24: xét ví dụ sau:

(30) *Tuổi trẻ ai mà chẳng ham vui* [6, tr.493]. ‘Youth **X** has to enjoy its pleasures’ [10, tr.443]

{**ai (mà) chẳng/chả** → **X**} (24)

3.2.2. *Đâu chẳng/chả*

- Khả năng 25: xét ví dụ nên dưới:
(31) *Vứt đâu mà chẳng được!* [7, tr.156]. ‘Just chuck it **anywhere!**’ [7, tr.157]

{đâu chẳng/chả → **anywhere**} (25)

3.2.3. Gì chẳng/chả

- Khả năng 26: Xét ví dụ sau đây:

(32) *Các ông thì cái gì chả hay* [6, tr.114]. ‘To you, guys, **everything** is interesting’ [10, tr.97]

{gì chẳng, chả → **everything**} (26)

- Khả năng 27: quan sát kĩ ví dụ dưới đây:

(33) *Ở đời chuyện gì mà chẳng có thể xảy ra* [6, tr.573]. ‘**Anything** can happen in this world’ [10, tr.524]

{gì chẳng/chả → **anything**} (27)

- Khả năng 28: xét ví dụ sau:

(34) *Đời này chuyện gì chẳng là chuyện lạ* [5, tr.62]. ‘**Many things** are strange’ [5, tr.63]

{gì chẳng/chả → **many things**} (28)

3.2.4. Nào chẳng/chả

- Khả năng 29: Xét ví dụ dưới đây:

(35) *Trẻ con đưa nào chẳng mê mẩn một trò gì đó* [6, tr.284]. ‘**All** kids have something like that they get a kick out of’ [10, tr.254]

{nào chẳng, chả → **all**} (29)

Với 6 khả năng chuyển dịch trong phương thức này, chúng tôi nhận thấy trong cách chuyển dịch sang tiếng Anh đều có sự xuất hiện của từ *phiếm định* trừ khả năng chuyển dịch số (24).

4. Kết luận

Bài viết trình bày những khả năng chuyển dịch các từ *phiếm định* trong câu khẳng định tuyệt đối tiếng Việt sang tiếng Anh. Trong phạm vi bài viết, chúng tôi giới thiệu 29 khả năng chuyển dịch được rút ra cho kiểu câu này. Nghiên cứu sự chuyển dịch của từ *phiếm định* là vấn đề khá thú vị và hữu ích trong thực tế chuyển từ tiếng Việt sang tiếng Anh.

¹ Hình thức tương đương không có trong tiếng Anh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trương Văn Chỉnh & Nguyễn Hiến Lê (1963), *Khảo luận về ngữ pháp Việt Nam*, Nxb Đại học Huế.
2. Nguyễn Đức Dân (1987), *Lôgích, ngữ nghĩa và cú pháp*, Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp.
3. Đoàn Giỏi (2004), *Đất rừng phương Nam*, Nxb Phụ nữ, Hà Nội.
4. Tôn Thất Lan (dịch) (2007), *Những tâm hồn lạc* (song ngữ Việt - Anh), Nxb Văn hóa, Sài Gòn.

5. Tôn Thất Lan (dịch) (2008), *Trẻ còn hơn không bao giờ* (song ngữ Việt - Anh), Nxb Văn hóa, Sài Gòn.
6. Hồ Anh Thái & Wayne Karlin (chủ biên) (2004), *Tình yêu sau chiến tranh*, Nxb Hội nhà văn.
7. Nguyễn Quang Thân (tác giả), Rosemary Nguyen & Mạnh Chương (dịch) (2007), *Giữa những điều bình dị* (song ngữ Việt – Anh), Nxb Văn hóa, Sài Gòn.
8. Nguyễn Quốc Trung (2008), *Thành phố độc thân*, Nxb Văn học.
9. McAmmond Nguyễn Thị Tư (tác giả), Larry J. Fisk (dịch) (2009), *Trên nền tuyết trắng xóa, Tập truyện ngắn* (song ngữ Việt – Anh), Nxb Hội Nhà văn, Trung tâm văn hóa ngôn ngữ Đông Tây.
10. Wayne Karlin, Hồ Anh Thái (biên tập) (2003), *Love after war*, Curbstone Press 321 Jackson Street Willimantic, CT 06226.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 15-9-2010; ngày chấp nhận đăng: 08-11-2011)